

PHỤ LỤC III
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
05 NĂM CỦA DOANH NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015
của Chính phủ)

CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP & DV HƯƠNG SƠN
MST: 3000100137

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 86 /TC-HƯƠNG SƠN

Hương Sơn, ngày 26 tháng 04 năm 2017

(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp
được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt tại văn bản số 1912/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 7 năm 2016)

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Những sự kiện quan trọng

a) Việc thành lập

Công ty Lâm nghiệp và Dịch vụ Hương Sơn là Doanh nghiệp Nhà nước Hạng I (tiền thân là Quốc doanh Lâm Khẩn Hà Tĩnh, sau đổi là Lâm trường Quốc doanh Hương Sơn), được thành lập từ ngày 10 tháng 3 năm 1955, thuộc Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

Năm 1986 được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) phê duyệt Luận chứng Kinh tế - Kỹ thuật cho Lâm trường, tại Quyết định số 313/CT ngày 10/12/1986, với nhiệm vụ chính là bảo vệ, nuôi dưỡng, xây dựng phát triển rừng, khai thác chế biến Lâm sản, sản xuất Lâm - Nông kết hợp.

Ngày 11 tháng 5 năm 1993 được Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) Quyết định thành lập Doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 388/NĐ-CP trực thuộc UBND tỉnh Hà Tĩnh quản lý.

Ngày 09 tháng 5 năm 1998, Lâm trường Hương Sơn được đổi thành Công ty Lâm nghiệp và Dịch vụ Hương Sơn nhằm phù hợp với cơ chế thị trường và mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh, tại Quyết định 504 QĐ/UB của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Thực hiện Quyết định số 544/2008/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2008 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về thực hiện chuyển đổi Công ty Nhà nước thành Công ty TNHH một thành viên, công ty tiến hành thực hiện chuyển đổi hình thức pháp lý tổ chức của công ty. Ngày 22 tháng 4 năm 2009 công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên 100% vốn Nhà nước theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2804000114 do Ban quản lý Khu Kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo cấp.

b) Vốn điều lệ.

- Vốn điều lệ theo phê duyệt: 30.000 triệu đồng
- Vốn chủ sở hữu hiện có: 27.473 triệu đồng

c) Các sự kiện khác.

Quyết định số 1912/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Phê duyệt Đề án Sắp xếp, đổi mới và Phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Hương Sơn: *“Duy trì, củng cố, phát triển và tái cơ cấu công ty TNHH MTV nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích”*.

2. Quá trình phát triển

a) Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp

*** Chức năng:** Quản lý, bảo vệ phát triển rừng, sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước. Tổ chức sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật, bảo toàn và phát triển vốn. Giải quyết việc làm, quyền lợi người lao động, ngoài lợi ích KT-XH, an ninh quốc phòng còn tạo lợi ích môi trường sinh thái.

*** Nhiệm vụ:**

- Nhiệm vụ công ích:

+ Quản lý, bảo vệ và đầu tư phát triển rừng theo cơ chế đặt hàng, giao kế hoạch của Nhà nước.

+ Cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

+ Xây dựng các công trình Bảo vệ rừng - PCCR, phát triển KTXH khu vực biên giới gắn với quốc phòng an ninh.

- Ngành nghề Sản xuất kinh doanh (Theo luật):

+ Khai thác, Chế biến kinh doanh nông, lâm sản.

+ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

+ Sản xuất nông, lâm kết hợp như Rừng, vườn, ao, chuồng (RVAC): chăn nuôi lợn, bò... kết hợp trồng cây ăn quả: Bưởi, cam, chanh.. và trồng cây dược liệu dưới tán rừng: Gừng, gấc, đinh lăng ...

+ Điều tra, thiết kế các công trình lâm sinh.

+ Sản xuất kinh doanh giống, cây con.

b) Mục tiêu kinh doanh

- Sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất: quản lý, bảo vệ phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên rừng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Bảo toàn và phát triển vốn được giao một cách có hiệu quả.

- Ứng dụng các khoa học công nghệ vào sản xuất (Công nghệ chế biến...).

- Tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động; góp phần xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn.

c) Ngành, nghề kinh doanh chính

+ Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

+ Khai thác, Chế biến nông, lâm sản.

+ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng.

+ Sản xuất nông, lâm kết hợp với trang trại chăn nuôi.

+ Điều tra, thiết kế các công trình lâm sinh.

+ Sản xuất kinh doanh giống, cây con.

3. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp.

- Kiểm soát chặt chẽ, hạn chế tiến tới chấm dứt cơ bản tình trạng khai thác rừng trái phép, thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo vệ rừng. Nâng tỷ lệ độ che phủ rừng trên lâm phần được giao đạt 97%, chất lượng rừng được nâng lên, đảm bảo khả năng phòng hộ, cung ứng dịch vụ môi trường rừng và khai thác bền vững sau năm 2020.

- Ngoài nhiệm vụ công ích, tổ chức sản xuất cung ứng sản phẩm dịch vụ, tổ chức sản xuất, kinh doanh tổng hợp theo hướng Nông lâm kết hợp, chăn nuôi... Hình thành vùng chuyên canh, sản xuất nông lâm nghiệp tập trung phục vụ cho công nghiệp chế biến theo chuỗi giá trị hàng hóa chủ lực của tỉnh.

b) Tóm tắt những nội dung chính về chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Quản lý bảo vệ tốt trên toàn bộ diện tích rừng được giao quản lý.

- Duy trì sản xuất gạch tuynel đảm bảo công suất 15 triệu viên/năm.

- Trồng rừng.

- Trang trại chăn nuôi lợn nái.

- Trồng cây dược liệu.

- Trang trại trồng cây ăn quả và chăn nuôi bò thịt.

- Khai thác gỗ gắn với chế biến lâm sản.

- Đầu tư xây dựng nhà máy ván ghép thanh và nhà máy chế biến ván bóc.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Mục tiêu tổng quát

- Sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất: quản lý, bảo vệ phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên rừng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Bảo toàn và phát triển vốn được giao một cách có hiệu quả.

- Ứng dụng các khoa học công nghệ vào sản xuất (Công nghệ chế biến...).

- Tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động; góp phần xoá đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn.

2. Mục tiêu cụ thể

- Quản lý, bảo vệ phát triển rừng, sản xuất nông lâm kết hợp trên toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp công ty được giao quản lý sử dụng: 19.747,77 ha.

- Doanh thu đạt khoảng 90 tỷ đồng.

- Nộp ngân sách: 4 - 5 tỷ đồng.

- Lợi nhuận: 2 - 3 tỷ đồng.

- Tổng nguồn vốn điều lệ đạt 53,1 tỷ đồng.

- Thu nhập BQ của người lao động đạt 5 - 6 triệu đồng/người/tháng.

- Giải quyết việc làm cho 225 lao động của Công ty và hơn 100 lao động địa phương nhận khoán.

- Kiểm soát chặt chẽ, đổi mới phương thức quản lý nhằm ngăn chặn tình trạng rừng khai thác trái phép.

- Tỷ lệ độ che phủ rừng trên lâm phần được giao đạt 97%, chất lượng rừng được nâng lên, đảm bảo sản xuất kinh doanh bền vững.

3. Kế hoạch triển khai

* Về nhiệm vụ công ích:

- Đo đạc cắm mốc ranh giới, xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong năm 2017.

- Xây dựng phương án quản lý bảo vệ rừng hàng năm, tăng cường tuần tra kiểm soát, thực hiện tốt công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Xây dựng rừng giống hoàn thành kế hoạch năm.

- Khoanh nuôi rừng: năm 2016 là 1063,9ha; 2017: 2.497,6 ha; 2018 đến 2020 là 1.433,7ha/năm.

- Nuôi dưỡng rừng: kế hoạch triển khai năm 2016 là 158,2ha; năm 2017 là 117,3ha; năm 2018 là 196,3ha; năm 2019 là 162,7ha; năm 2020 là 148,38ha.

- Trồng rừng, cải tạo rừng và trồng rừng cây gỗ lớn: năm 2018 là 110,9ha; năm 2019 là 169,5ha; năm 2020 là 138,7ha.

* Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

- Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững trên toàn bộ diện tích rừng được giao quản lý sử dụng và được hội đồng quản trị rừng quốc tế cấp chứng chỉ rừng hoàn thành xong trong năm 2016.

- Tiếp tục duy trì tổ chức sản xuất gạch tuynel đảm bảo công suất 15 triệu viên/năm.

- Xây dựng trang trại chăn nuôi lợn nái có quy mô 450 con, diện tích 50.501 m² với tổng vốn khoảng 17 tỷ đồng; hình thức đầu tư: công ty vay vốn đầu tư sản xuất. Tiến hành đưa vào hoạt động sản xuất quý II/2016.

- Xây dựng phát triển kinh tế trang trại trồng cây ăn quả và chăn nuôi bò thịt, diện tích 30 ha với tổng số vốn đầu tư khoảng 8,8 tỷ đồng; Vay vốn đầu tư sản xuất.

- Trồng cây dược liệu với diện tích khoảng 30 ha trên phần diện tích đất chưa có rừng, đất bồi tụ ven suối... nhu cầu vốn 4,9 tỷ đồng, hình thức công ty vay vốn đầu tư.

- Trồng rừng nguyên liệu, cây phân tán trên đất quy hoạch sản xuất 278,3 ha; nhu cầu vốn 6,2 tỷ đồng.

- Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến ván bóc và nhà máy ván ghép thanh với tổng vốn đầu tư khoảng 21 tỷ đồng; hình thức đầu tư góp vốn liên doanh.

4. Các giải pháp thực hiện

4.1. Giải pháp về tài chính, đầu tư, tín dụng

Căn cứ nhu cầu, dự toán đầu tư các hạng mục xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển rừng sản xuất, trên cơ sở định mức kinh tế, kỹ thuật của Nhà nước, công ty xác định nhu cầu vốn cho cả giai đoạn như sau:

* Tổng nhu cầu vốn để thực hiện: 157.928 triệu đồng trong đó vốn điều lệ đã có 27.473 triệu đồng; nhu cầu vốn còn thiếu 130.455 triệu đồng.

- Vốn điều lệ: Đề nghị bổ sung vốn điều lệ theo nghị định 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 là 25.654 triệu đồng.

- Giao kế hoạch và đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ công ích (Từ nguồn dịch vụ môi trường rừng và các nguồn dịch vụ công ích khác): 65.950 triệu đồng .

- Kinh phí cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Đề nghị Nhà nước cấp dự kiến 197 triệu đồng.

- Kinh phí đầu tư kết cấu hạ tầng: 13.000 triệu đồng

- Đầu tư và tín dụng đầu tư phát triển: Vay ngân hàng và liên doanh liên kết: 24.981 triệu đồng.

- Xử lý tài chính đối với công trình kết cấu hạ tầng, tài sản trên đất khi bàn giao đất: Đúng theo quy định Nhà nước.

- Xử lý công nợ: Số nợ khó đòi là 1.173 triệu đồng, trong đó đề nghị giảm vốn Nhà nước là 673 triệu đồng (Do số nợ lớn trên 5 năm đã đòi nhiều lần nhưng không thu hồi được chiếm 9% trên tổng số nợ phải thu).

- Trích lập dự phòng rủi ro:

+) Trích lập rủi ro giảm giá hàng tồn kho theo quy định nhà nước.

+) Trích lập nợ phải thu khó đòi: 500 triệu đồng/5 năm.

4.2. Giải pháp về đất đai

- Tiến hành rà soát lại toàn bộ diện tích đất và rừng được Nhà nước cho thuê và giao quản lý. Căn cứ đề án được phê duyệt, Công ty tiến hành lập phương án sử dụng đất trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Phối hợp với các cơ quan ban ngành và chính quyền địa phương đo đạc, cắm mốc ranh giới toàn bộ diện tích và cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4.3. Giải pháp về quản lý, sử dụng rừng

Trên cơ sở số liệu quy hoạch 3 loại rừng đã được UBND tỉnh phê duyệt, tiến hành rà soát lại ranh giới, mốc quản lý, thiết lập phân vùng giá trị chức năng sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và ổn định lâu dài trên diện tích 17.422 ha.

4.3.2. Giải pháp quản lý sử dụng rừng thuộc nguồn vốn công ích.

4.3.2.1. *Quản lý bảo vệ rừng* thuộc nguồn Bảo vệ phát triển rừng phòng hộ và nguồn hỗ trợ theo Quyết định 2242/2014/QĐ-TTG ngày 11/12/2014 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Đề án tăng cường công tác quản lý, khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020:

- Biện pháp bảo vệ rừng chống chặt phá xâm lấn rừng:

+ Giao địa bàn cụ thể cho từng trạm quản lý bảo vệ rừng. Tổ chức các mạng lưới kiểm tra, giám sát để phát hiện kịp thời các vụ việc xảy ra.

+ Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Công ty với chính quyền địa phương, lực lượng bộ đội biên phòng đóng trên địa bàn;

+ Thực hiện chính sách giao khoán bảo vệ phát triển rừng với diện tích 333,87 ha cho 11 hộ gia đình là cán bộ công nhân viên công ty đã nghỉ hưu, hình thức giao khoán theo nghị định 01 (chu kỳ khoán là 25 năm), quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên được thực hiện theo Quyết định 178/2002/QĐ-TTG ;

Việc công ty không trả về cho địa phương vì đây là vùng đệm có liên quan trực tiếp đến công tác bảo vệ rừng vùng lõi. Việc hợp đồng với các hộ sẽ tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng từ nhiều phía nên đây là diện tích mang tính chiến lược, quan trọng trong công tác quản lý bảo vệ rừng của Công ty đối với các lâm phần liền kề.

+ Tổ chức các trạm gác cửa rừng ở những nơi xung yếu.

4.3.2.2. Xây dựng rừng giống:

- Tổng diện tích: 100 ha, nhu cầu vốn 1.620 triệu đồng (100 ha x 3 năm x 540 triệu đồng/năm).

- Biện pháp kỹ thuật:

+ Phát bỏ thực bì, dây leo, cây bụi trên toàn bộ diện tích. Phương pháp: Thủ công, dùng dao rựa phát sát gốc thực bì, dây leo, cây bụi. Trong quá trình luồng phát không làm ảnh hưởng đến cây tái sinh. Phát dọn và băm đập cành nhánh sau chặt tía thưa. Thời gian: tháng 12 trong năm.

+ Lập bảng quy ước bảo vệ rừng giống vị trí tại các bìa rừng, nơi xung yếu có nhiều người qua lại.

+ Lập tổ quản lý, bảo vệ rừng giống với nhiệm vụ tuần tra bảo vệ chống sự thâm nhập, phá hoại của người và gia súc; theo dõi quá trình ra hoa, kết quả, dự báo sản lượng hàng năm. Theo dõi tình hình dịch bệnh và tiến hành lập kế hoạch phòng trừ kịp thời.

+ Đóng mốc ranh giữa các lô rừng giống, tổng số mốc đóng trong năm 2013 là 40 mốc. Mốc có kích thước của mốc cấp 2: 15cm x 15 cm x 100 cm làm bằng vật liệu bê tông cốt thép.

+ Xây dựng 01 bảng quy ước bảo vệ bằng bê tông cốt thép, kích thước 1,2m x 1,5m x 5cm, có 2 cọc trụ làm bằng bê tông cốt thép.

4.3.2.3. *khoanh nuôi rừng*: Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng là giải pháp kinh tế nhất trong việc xây dựng phát triển rừng, đặc biệt là những nơi cao xa, vùng đất dốc, địa hình chia cắt, khó khăn cho việc trồng rừng. Đối tượng là đất trống có gỗ rải rác phân bố ở những nơi cao và xa khó tiếp cận.

- Tổng diện tích: 298 ha; Nhu cầu vốn 298 triệu đồng (298 ha x 200 nghìn đồng/ha/năm x 5 năm);

- Kỹ thuật cơ bản trong khoanh nuôi xúc tiến tái sinh: Xây dựng hồ sơ thiết kế theo quy trình kỹ thuật cho từng lô, khoảnh, tiểu khu. Trong thời gian khoanh nuôi cần áp dụng biện pháp xúc tiến tái sinh như phát luồng dây leo, chặt tía cây sâu bệnh, kết hợp trồng bổ sung. Tổ chức bảo vệ, cấm chặt phá của con người, ngăn chặn chăn thả gia súc bừa bãi, ngăn chặn lửa rừng;

- Chất lượng rừng sau khoanh nuôi xúc tiến tái sinh, nâng cao độ che phủ của rừng, ổn định hệ sinh thái rừng, bảo vệ môi trường sinh thái và tính đa dạng sinh học của rừng.

4.3.2.4. *Nuôi dưỡng rừng*: Là giải pháp thúc đẩy sinh trưởng và phát triển rừng trồng sau chăm sóc.

Tổng diện tích: 782,84 ha; Nhu cầu vốn: 2.270 triệu đồng. Trên toàn bộ diện tích rừng sau khai thác chọn giai đoạn 2010-2015.

Kỹ thuật cơ bản trong nuôi dưỡng rừng: Xây dựng hồ sơ thiết kế theo quy trình kỹ thuật cho từng lô, khoảnh, tiểu khu. Trong thời gian nuôi dưỡng cần áp dụng biện pháp phát luồng dây leo, chặt tía thưa rừng trồng, chặt tía cây sâu bệnh. Tổ chức bảo vệ, cấm chặt phá của con người, ngăn chặn chăn thả gia súc bừa bãi, ngăn chặn lửa rừng;

4.3.2.5. *Trồng rừng*: Đối tượng đất chưa có rừng, rừng trồng đã khai thác với tổng diện tích 338,95 ha; nhu cầu vốn 8.828 triệu đồng.

4.3.2.6. *Cải tạo rừng, trồng rừng cây gỗ lớn*:

3.2.6.1. Xây dựng báo cáo điều tra hiện trạng đề nghị cải tạo rừng:

- Tổng diện tích: 768 ha; Nhu cầu vốn: 346 triệu đồng (768 ha x 450 nghìn đồng/ha).

3.2.6.2. Cải tạo rừng, trồng rừng gỗ lớn: là biện pháp kỹ thuật nhằm thay thế rừng tự nhiên nghèo kiệt không còn khả năng phục hồi để trồng lại rừng bằng các loài cây gỗ lớn có giá trị cao hơn.

- Tổng diện tích: 768 ha; Nhu cầu vốn 31.764 triệu đồng (768 ha x 41.360 nghìn đồng/ha/6 năm).

Đối với diện tích rừng tự nhiên 768 ha công ty xin để lại phân giao đất không thu tiền sử dụng đất, khi nào có mục đích chuyển đổi phục vụ cho sản xuất kinh doanh công ty sẽ làm thủ tục thuê đất theo đúng hồ sơ pháp lý nhà nước.

4.3.3 Giải pháp quản lý sử dụng rừng thuộc nguồn vốn SXKD.

Xây dựng lại phương án quản lý rừng bền vững trên toàn bộ diện tích rừng được giao quản lý sử dụng và trình hội đồng quản trị rừng quốc tế xin cấp chứng chỉ rừng:

- Tổng diện tích: 19.747,77 ha; nhu cầu vốn 1.481 triệu đồng (19.747,77 ha x 75 nghìn đồng/ha;

4.4. Giải pháp về đầu tư sản xuất các ngành nghề khác

4.4.1. Giải pháp về nông lâm kết hợp và ngành nghề khác.

Để tận dụng hiệu quả tài nguyên rừng, ngoài các ngành nghề truyền thống Công ty kết hợp mở ra các mô hình nông lâm kết hợp như: Trang trại chăn nuôi lợn nái 100% máu ngoại, trang trại chăn nuôi bò nái lai, Trồng cây dược liệu dưới tán rừng...

1). Trang trại chăn nuôi lợn nái.

Xây dựng trang trại chăn nuôi tập trung có quy mô 450 con lợn nái với diện tích 50.501 m².

- Thị trường tiêu thụ: Hợp tác với huyện Hương Sơn cung cấp con giống cho các hộ nuôi vừa và nhỏ trên địa bàn toàn huyện và các vùng lân cận.

2). Trang trại trồng cây ăn quả và chăn nuôi bò thịt.

Xây dựng phát triển kinh tế trang trại trồng cây ăn quả và chăn nuôi bò thịt (tập trung và thâm canh) có diện tích 30 ha tại khoảnh 3; 5 tiểu khu 50 - phân trường Rào mắc. Hình thức tổ chức: Tổ chức sản xuất.

3). Trồng cây dược liệu.

Là giải pháp nhằm sử dụng tối đa phần diện tích đất chưa có rừng, đất phù sa cổ, đất xung tích bồi tụ ven suối để sản xuất nông lâm kết hợp và trồng cây dược liệu nhằm tạo việc làm tăng thu nhập cho người lao động như cây Gừng, cây Gấc.....

Tổng diện tích: 30 ha; nhu cầu vốn: 4.900 triệu đồng, doanh thu hàng năm khoảng 3 tỷ đồng, nộp ngân sách 287 triệu đồng, đem lại lợi nhuận 75 triệu đồng, thu nhập bình quân 5,5 triệu đồng/người/tháng và giải quyết gần 100 lao động địa phương (người dân sống ven rừng).

4). Sản xuất gạch Tuynel.

Duy trì tổ chức sản xuất gạch tuynel đảm bảo công suất 15 triệu viên/năm, doanh thu 15 tỷ đồng/năm, lợi nhuận bình quân 300 triệu đồng, giải quyết trên 100 lao động thường xuyên. Bình quân thu nhập 5,5 triệu đồng/người/tháng.

4.4.2. Giải pháp về chế biến

Tổ chức liên doanh sản xuất với doanh nghiệp trên địa bàn để đầu tư đẩy mạnh sản xuất, xem đây là đẩy mạnh đột phá trong SXKD của Công ty. Đầu tư mở mang nhà xưởng, lắp đặt công nghệ, thiết bị chế biến hiện đại để nâng công suất chế biến. Sản phẩm chủ yếu gồm ván ghép thanh, ván ép, đồ gỗ cao cấp đạt tiêu chuẩn tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. nguồn nguyên liệu chủ yếu là sản phẩm từ cải tạo rừng, gỗ từ rừng trồng thu mua trên địa bàn và gỗ nhập khẩu từ Lào hoặc các nguồn khác.

4.5. Giải pháp về lao động

- Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với cán bộ, công nhân và người lao động;

- Sử dụng lao động hợp đồng không xác định thời hạn hiện có của Công ty và sử dụng lao động các địa phương sống ven rừng.

- Bố trí sắp xếp nhân lực tại các phòng ban và các đơn vị trực thuộc một cách hợp lý, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- + Sàng lọc lại đội ngũ cán bộ cốt cán có trình độ, năng lực trách nhiệm tâm huyết với doanh nghiệp thì bố trí sử dụng. Số cán bộ, năng lực thấp, sức khỏe yếu đủ tuổi hưởng chế độ thì đề nghị giải quyết cho hưởng chế độ bảo hiểm theo quy định.

- + Một số bộ phận cán bộ chưa qua đào tạo hoặc đã được đào tạo, năng lực còn hạn chế sẽ luân chuyển, bố trí, sắp xếp lại cho phù hợp với yêu cầu sản xuất. Bên cạnh đó có chiến lược đào tạo thêm về chuyên môn như: Gửi đi đào tạo vào các trường tại chức, tham dự các lớp tập huấn theo quy định để nâng cao trình độ, nâng cao năng lực lãnh đạo, đồng thời cập nhập những thông tin quản lý, nghiệp vụ, nghề nghiệp, nhất là hiện nay các văn bản qui định mới được ban hành...

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm nhằm nâng cao kỷ luật kỷ cương. Hàng năm có chế độ khen thưởng, đãi ngộ đối với những cán bộ công nhân viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Xây dựng quy chế trả lương, phụ cấp ưu đãi đảm bảo thu hút lao động đã qua đào tạo đến làm việc tại Công ty. Tạo động lực để khuyến khích người lao động làm việc tích cực, cống hiến cho sự phát triển của doanh nghiệp.

- Đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động: Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn, lớp thi tay nghề cho người lao động. Tùy thuộc vào thời điểm xây dựng các dự án sản xuất cụ thể công ty sẽ gửi một số lao động đi đào tạo đảm bảo tay nghề cao và tuyển dụng thêm lao động có chất lượng phù hợp ngành nghề sản xuất đáp ứng yêu cầu của công việc.

4.6. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học trong công tác giống; công nghệ chế biến sâu, các sản phẩm có nguồn gốc từ nguyên liệu rừng trồng, gỗ nhỏ và phi gỗ;

- Nghiên cứu để quản lý và phát triển các cây lâm sản ngoài gỗ mà người dân thường sử dụng cho sinh kế, các loại cây dược liệu quý.

- Nghiên cứu xây dựng giải pháp công nghệ GIS phục vụ theo dõi, giám sát tài nguyên và môi trường rừng để triển khai các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng bền vững một cách hiệu quả.

- Đầu tư các giải pháp công nghệ để tạo ra các giống có năng suất cao, thu thập và khảo nghiệm để xây dựng tập đoàn cây chủ lực trong trồng rừng kinh tế, có đặc tính phù hợp với sản xuất chế biến, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- Chuyển giao nhanh các tiến bộ khoa học vào sản xuất, thực hiện công tác khuyến lâm giúp nhân dân trong vùng phát triển sản xuất lâm nghiệp theo hướng bền vững.

4.7. Giải pháp về thị trường

- Không ngừng đa dạng hoá sản phẩm, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tìm kiếm và mở rộng thị trường trong nước và nước ngoài nhằm đảm bảo tiêu thụ sản phẩm, ổn định lâu dài.

- Tổ chức tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước .

- Xây dựng thương hiệu các mặt hàng do Công ty sản xuất, tổ chức ma kết tinh.

- Hoàn thiện tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC trên toàn bộ diện tích rừng được giao.

Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC, VT.

P.GIÁM ĐỐC

Lê Tiến Cát